TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 16 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thị L – sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc H – sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quỹ Tín dụng nhân dân phường T.

Địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.
Người đại diện: bà Trần Thị H – Giám đốc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phan Thị L và anh Nguyễn Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị L và anh H thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất nhất vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 199,2m^2 tại tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đứng tên Nguyễn Ngọc H và Phan

Thị L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Q trước đây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 603763 ngày 24/5/2013 trị giá 120.000.000 đồng.

Vợ chồng có nợ chung tại Quỹ tín dụng nhân dân phường T số tiền 73.000.000 đồng chưa trả được (toàn bộ là nợ gốc).

Về phân chia tài sản chung: Anh H và chị L thống nhất sau khi ly hôn sẽ giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Ngọc H sở hữu, sử dụng, anh H không phải giao tiền chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị L. Anh Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/4/2018 cho Quỹ tín dụng nhân dân phường T.

- Về án phí: Hai bên thống nhất chị Phan Thị L chịu trách nhiệm nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị Luận đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002842 ngày 28 tháng 12 năm 2017, chị L đã nộp đủ tiền án phí theo quy định;

Anh Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm nộp 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định để sung vào công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày thỏa thuận thuận tình ly hôn (ngày 06/4/2018) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu